

CTCP XNK THUỖ SẢN BẾN TRE
AQUATEX BENTRE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Independence - Freedom - Happiness

Số: 284/BC.ABT
No.: 284/BC.ABT

Vĩnh Long, ngày 17 tháng 7 năm 2025
Vinhlong, day 17 month 7 year 2025

BÁO CÁO
Tình hình quản trị công ty
REPORT ON CORPORATE GOVERNANCE
(Báo cáo 6 tháng 2025/ 2025 semi-annual report)

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán TP. HCM
To: - The State Securities Commission;
- HCMC Stock Exchange.

- Tên công ty/Name of company: **CTCP Xuất nhập khẩu thủy sản Bến Tre**
Bentre Aquaproduct Import and Export Joint Stock Company
- Địa chỉ trụ sở chính/Address of head office: xã Phú Túc, tỉnh Vĩnh Long/
Phutuc commune, Vinhlong province
- Điện thoại/Telephone: 0275 3860265 - Fax: 0275 3860346 - Email: abt@aquatexbentre.com
- Vốn điều lệ/ Charter capital: 143.872.070.000 đồng
- Mã chứng khoán/Stock symbol: ABT
- Mô hình quản trị công ty/Governance model: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc/Giám đốc /General Meeting of Shareholders, Board of Directors, Board of Supervisors, General Director.
- Về việc thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ: Đã thực hiện/ Chưa thực hiện/The implementation of internal audit: Implemented/ Not yet implemented: Implemented/Đã thực hiện.

I. Hoạt động của Đại hội đồng cổ đông/ Activities of the General Meeting of Shareholders

Thông tin về các cuộc họp và Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông (bao gồm cả các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản)/Information on meetings, resolutions and decisions of the General Meeting of Shareholders (including the resolutions of the General Meeting of Shareholders approved in the form of written comments):

Ngày 19 tháng 04 năm 2025: tổ chức Đại hội cổ đông thường niên 2025 Công ty CP Xuất nhập khẩu thủy sản Bến Tre/ April 19, 2025: Organize the 2025 Annual General Meeting of Shareholders of Bentre aquaproduct Import and Export Joint Stock Company

Stt No.	Số Nghị quyết/ Resolution No.	Ngày Date	Nội dung Content
1	01/NQ.ĐHCĐ2025. ABT	19/04/2025 April 19, 2025	Điều 1/ Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị năm 2024; Article 1/ Report of the Board of Directors on the governance and performance of the Board of Directors and each member of the Board of Directors in 2024. Điều 2/ Báo cáo của Tổng Giám đốc về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2024 và mục tiêu kế hoạch năm 2025; Article 2/ Report of the General Director on the production and business results in 2024 and the plan targets for 2025. Điều 3/ Báo cáo tài chính đã kiểm toán và phân phối lợi nhuận năm

		2024; Article 3/ Audited financial statements and profit distribution plan for 2024. Điều 4/ Báo cáo hoạt động Ban kiểm soát năm 2024; Article 4/ Supervisory Board's activity report in 2024. Điều 5/ Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025; Article 5/ Production and business plan for 2025. Điều 6/ Thù lao cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và mức thưởng cho ban điều hành Công ty năm 2025; Article 6/ Remuneration for the Board of Directors, Supervisory Board and bonus level for the Company's executive board in 2025. Điều 7/ Ủy quyền cho Hội đồng quản trị chọn một công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025 trong danh sách 04 công ty kiểm toán; Article 7/ Authorization for the Board of Directors to select an audit firm for the 2025 financial statements from the list of 04 audit firms. Điều 8/ Bổ sung vào ngành, nghề kinh doanh của Công ty các ngành nghề sau: Chăn nuôi trùn quế; Xử lý và tiêu hủy rác thải không nguy hại; Sản xuất phân trùn quế, phân bón hữu cơ; Sản xuất phân compost từ chất thải hữu cơ (sản xuất đất sạch); Bán buôn trùn quế sống; Bán buôn đất sạch, phân bón hữu cơ và các sản phẩm liên quan đến trùn quế; Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại; Bán lẻ đất sạch, phân bón hữu cơ và các sản phẩm liên quan đến trùn quế; Article 8/ Addition to the Company's business lines the following business lines: Raising earthworms; Non-hazardous waste treatment and disposal; Production of earthworm fertilizer, organic fertilizer; Production of compost from organic waste (clean soil production); Wholesale of live earthworms; Wholesale of clean soil, organic fertilizer and products related to earthworms; Wholesale of metal and non-metal scraps and waste; Retail of clean soil, organic fertilizer and products related to earthworms. Điều 9/ Sửa đổi, bổ sung khoản 1, Điều 4 - Điều lệ Công ty về ngành, nghề kinh doanh của Công ty; sửa đổi tên "Trung tâm Lưu ký chứng khoán" tại khoản 4, Điều 46 - Điều lệ Công ty thành "Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam"; Article 9/ Amendments and additions to Clause 1, Article 4 - Company Charter on the Company's business lines; amend the name "Securities Depository Center" in Clause 4, Article 46 - Company Charter to "Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation".
--	--	---

II. Hội đồng quản trị (Báo cáo 6 tháng)/ Board of Directors (Semi-annual report):

1. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT)/Information about the members of the Board of Directors:

Stt No.	Thành viên HĐQT/ Board of Directors' members	Chức vụ/ Position (thành viên HĐQT độc lập, TV HĐQT không điều hành) Independent members of the Board of Directors, Non-executive members of the Board of Directors))	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/ HĐQT độc lập The date becoming/ceasing to be the member of the Board of Directors	
			Ngày bổ nhiệm Date of appointment	Ngày miễn nhiệm Date of dismissal
1	Ông/Mr. Nguyễn Văn Khải	TV HĐQT không điều hành/ Non-executive members Chủ tịch HĐQT/ Chairman of Board of Directors	16/04/2022	
2	Ông/Mr. Phan Hữu Tài	TV HĐQT, Tổng Giám đốc Member of the Board of Directors, General Director	16/04/2022	

3	Ông/Mr. Hồ Quốc Lực	TV HĐQT không điều hành/ Non-executive members TV HĐQT độc lập/ Independent members	16/04/2022	
---	---------------------	--	------------	--

2. Các cuộc họp HĐQT/Meetings of the Board of Directors:

Stt No.	Thành viên HĐQT/ Board of Director' member	Số buổi họp HĐQT tham dự/ Number of meetings attended by Board of Directors	Tỷ lệ tham dự họp/ Attendance rate	Lý do không tham dự họp/Reasons for absence
1	Ông/Mr. Nguyễn Văn Khải	3/3	100%	
2	Ông/Mr. Phan Hữu Tài	3/3	100%	
3	Ông/Mr. Hồ Quốc Lực	3/3	100%	

3. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Giám đốc/Supervising the Board of Management by the Board of Directors: Giám sát Ban Tổng Giám đốc, Trưởng các phòng ban, Nhà máy và các Trại nuôi trực thuộc trong việc thực hiện các qui định về quản trị Công ty và trong điều hành công việc sản xuất kinh doanh hàng ngày/ Supervise the Board of General Directors, Heads of departments, factories and affiliated farms in implementing regulations on corporate governance and in operating daily production and business activities.

4. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị (nếu có)/Activities of the Board of Directors' subcommittees (If any): HĐQT không thành lập các tiểu ban. Thành viên HĐQT thực hiện nhiệm vụ theo mảng công tác đã được HĐQT phân công/The Board of Directors does not establish sub-committees. Board members carry out their duties according to the areas of work assigned by the Board.

5. Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị (Báo cáo 6 tháng)/Resolutions/Decisions of the Board of Directors (Semi-annual report):

Stt No.	Số Nghị quyết/ Quyết định Resolution/Decision No.	Ngày Date	Nội dung Content	Tỷ lệ thông qua qua Approval rate
1	01	20/02/2025	Thông qua kết quả SXKD Quý 4/2024/ Approve the business results of Quarter 4/2024	100%
2	02	20/02/2025	Chi tạm ứng cổ tức đợt 1/2024, triệu tập Đại hội cổ đông thường niên 2025/ Pay the first interim dividend of 2024, Convene the 2025 General Meeting of Shareholders	100%
3	03	27/03/2025	Thông qua tài liệu ĐHCĐ thường niên 2025/ Approve the documents for the 2025 General Meeting of Shareholders	100%
4	04	19/04/2025	Thông qua cấp tín dụng vay vốn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam/ Approve the credit granting at VCB	100%
5	05	19/04/2025	Họp thường kỳ, thông qua kết quả SXKD Quý 1/2025/ Hold a regular meeting, approve the business results of Quarter 1/2025	100%
6	06	20/06/2025	Chọn công ty kiểm toán BCTC 2025/ Select a financial statement audit company 2025	100%

III. Ban kiểm soát (Báo cáo 6 tháng)/Board of Supervisors (Semi-annual report):

1. Thông tin về thành viên Ban Kiểm soát (BKS)/Information about members of Board of Supervisors:

Stt No.	Thành viên BKS/ Members of Board of Supervisors	Chức vụ Position	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS The date becoming/ceasing to	Trình độ chuyên môn Qualification
---------	---	---------------------	--	--------------------------------------

1	Bà/Ms. Đặng Thị Bích Liên	Trưởng BKS/ Head of Board of Supervisors	Ngày bắt đầu/ The date becoming: 16/04/2022	Cử nhân Quản trị kinh doanh/ Bachelor of Business Administration
2	Ông/Mr. Nguyễn Văn Nguyên	TV BKS/ members	Ngày bắt đầu/ The date becoming: 16/04/2022	Cử nhân Kế toán/ Bachelor of Accounting
3	Ông/Mr. Lương Ngọc Thái	TV BKS/ members	Ngày bắt đầu/ The date becoming: 16/04/202216/04/2022	Cử nhân kinh tế/ Bachelor of Economics

2. Cuộc họp của BKS/Meetings of Board of Supervisors

Stt No.	Thành viên BKS/Members of Board of Supervisors	Số buổi họp tham dự Number of meetings attended	Tỷ lệ tham dự họp Attendance rate	Tỷ lệ biểu quyết Voting rate	Lý do không tham dự họp Reasons for absence
1	Bà/Ms. Đặng Thị Bích Liên	2/2	100%	100%	
2	Ông/Mr. Nguyễn Văn Nguyên	2/2	100%	100%	
3	Ông/Mr. Lương Ngọc Thái	2/2	100%	100%	

3. Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và cổ đông/Supervising Board of Directors, Board of Management and shareholders by Board of Supervisors:

Thành viên BKS kiểm tra giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính hàng quý, việc tuân thủ Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Nghị quyết ĐHCĐ, hoạt động của HĐQT, Ban điều hành, chính sách cho người lao động, mua sắm máy móc và các vấn đề có liên quan/Members of the Supervisory Board inspect and supervise production and business activities, financial situation on a quarterly basis, compliance with the Enterprise Law, Company Charter, General Meeting of Shareholders Resolutions, activities of the Board of Directors, Board of Management, and policies for employees, machinery procurement and related issues.

4. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác/the coordination among the Board of Supervisors, the Board of Management, Board of Directors and other managers:

BKS và HĐQT, Ban Tổng Giám đốc thường xuyên phối hợp để ban hành các chủ trương, chính sách mới trong công tác quản lý điều hành và triển khai thực hiện nghị quyết của ĐHCĐ và HĐQT/The Board of Supervisors, the Board of Directors, and the Board of General Directors regularly coordinate to promulgate new guidelines and policies in management and operations and implement resolutions of the General Meeting of Shareholders and the Board of Directors.

5. Hoạt động khác của BKS/Other activities of the Board of Supervisors (if any): Kiểm tra thực tế tại các trại nuôi/ Actual inspection at farms.

IV. Ban điều hành/Board of Management

STT No.	Thành viên Ban điều hành/Members of Board of Management	Ngày tháng năm sinh Date of birth	Trình độ chuyên môn Qualification	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm thành viên Ban điều hành/ Date of appointment / dismissal of members of the Board of Management /
1	Ông/Mr. Phan Hữu Tài Tổng Giám đốc/General Director	04/10/1977	Cử nhân kinh tế ngoại thương/ Bachelor	Ngày bổ nhiệm/ Date of appointment:

			of Economics foreign trade	16/04/2022
2	Ông/Mr. Bùi Kim Hiếu Phó Tổng Giám đốc/ Deputy General Director	28/08/1971	Kỹ sư Thủy sản, Cử nhân QTKD/ Fisheries Engineer, Bachelor of Business Administration	Ngày bổ nhiệm/ Date of appointment: 16/04/2022

V. Kế toán trưởng/Chief Accountant

Công ty chưa bổ nhiệm được ngay Kế toán trưởng nên tạm thời bổ trí người phụ trách kế toán/ The Company has not yet appointed a Chief Accountant, so a person in charge of accounting has been temporarily assigned.

Họ và tên Name	Ngày tháng năm sinh Date of birth	Trình độ chuyên môn nghề nghiệp Qualification	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm/Date of appointment/dismissal
Bà/Ms. Nguyễn Thị Hồng Vân (Người phụ trách kế toán/ Person in charge of accounting)	02/06/1986	Cử nhân Kế toán doanh nghiệp/Bachelor of Business Accounting	Ngày bổ nhiệm/Date of appointment: 30/11/2024

VI. Đào tạo về quản trị công ty/Training courses on corporate governance:

Các khóa đào tạo về quản trị công ty mà các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành, các cán bộ quản lý khác và Thư ký công ty đã tham gia theo quy định về quản trị công ty/Training courses on corporate governance were involved by members of Board of Directors, the Board of Supervisors, Director (General Director), other managers and secretaries in accordance with regulations on corporate governance: Không có/ Not available

VII. Danh sách về người có liên quan của công ty đại chúng (Báo cáo 6 tháng) và giao dịch của người có liên quan của công ty với chính Công ty/The list of affiliated persons of the public company (Semi-annual report) and transactions of affiliated persons of the Company)

1. Danh sách về người có liên quan của công ty/The list of affiliated persons of the Company: **Đính kèm Phụ lục số 1/Attached Appendix No. 1**

2. Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ/ Transactions between the Company and its affiliated persons or between the Company and its major shareholders, internal persons and affiliated persons.

Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ được thực hiện theo Nghị quyết HĐQT số 15/NQ.ABT ngày 30/12/2024 chấp thuận giao dịch có liên quan. Các giao dịch cụ thể như sau/ Transactions between the company and related persons of the company; or between the company and major shareholders, insiders, related persons of insiders is carried out in accordance with Board Resolution No. 15/NQ.ABT dated December 30, 2024 approving relevant transactions. Specific transactions are as follows:

Stt/ No.	Người thực hiện giao dịch/ Transaction executor	Số giấy NSH*/ Business Registration Certificate No	Nội dung giao dịch/Content of transaction	Giá trị giao dịch/Total value of transaction (VNĐ)
1	Công ty TNHH Thủy sản Công nghệ cao AQUATEX BENTRE (ABT HIGH-TECH CO., LTD)	1301083932	Bán hàng hóa/Sell goods	318.006.998
2	Công ty TNHH Thủy sản Công nghệ cao AQUATEX BENTRE (ABT HIGH-TECH CO., LTD)	1301083932	Mua hàng hóa/ Purchase goods	158.259.150
3	Công ty TNHH Thủy sản Công nghệ cao AQUATEX BENTRE (ABT HIGH-TECH CO., LTD)	1301083932	Chi hộ/ Payment on behalf of	113.764.786

4	Công ty CP Thực phẩm Khang An (KHANG AN FOODS)	2200780985	Mua hàng hóa/ Purchase goods	19.840.000
5	Công ty CP Thực phẩm Khang An (KHANG AN FOODS)	2200780985	Bán hàng hóa/Sell goods	220.890.000
6	Công ty CP Thực phẩm Sao Ta (FIMEX VN)	2200208753	Mua hàng hóa/ Purchase goods	2.267.944.000
7	Công ty CP Thực phẩm Sao Ta (FIMEX VN)	2200208753	Nhận cổ tức /Receive dividends	16.178.000.000
8	Công ty CP Thủy sản 584 Nha Trang (584NHATRANGSEACOM)	4200636551	Mua hàng hóa/ Purchase goods	6.109.080
9	Công ty CP Tập đoàn Pan (PAN GROUP)	0301472704	Chia cổ tức/Pay dividends	27.018.087.000
10	Ông Lương Thanh Tùng	082074009223	Chia cổ tức/Pay dividends	3.719.268.000
11	Công ty CP Khử trùng Việt Nam (VFC)	0302327629	Mua hàng hóa/ Purchase goods	11.900.000

Ghi chú/Note:

- Số Giấy NSH*: số CCCD/ Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức)/NSH No.: ID card No./Passport No. (As for individuals) or Business Registration Certificate No., License on operations or equivalent legal documents (As for organisations).

- Mối quan hệ liên quan với công ty *Relationship with the Company*: Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN, Ông Lương Thanh Tùng là cổ đông lớn; Công ty CP thực phẩm Sao Ta, Công ty CP Thủy sản 584 Nha Trang là tổ chức có liên quan của cổ đông nội bộ Nguyễn Văn Khải - Chủ tịch HĐQT Công ty CP Xuất nhập khẩu thủy sản Bến Tre; Công ty TNHH thủy sản công nghệ cao AQUATEX BENTRE là công ty con của Công ty CP Xuất nhập khẩu thủy sản Bến Tre và là tổ chức có liên quan của - Chủ tịch HĐQT Nguyễn Văn Khải; Công ty CP Thực phẩm Khang An là tổ chức có liên quan của thành viên HĐQT Hồ Quốc Lực; Công ty CP Khử trùng Việt Nam cùng Tập đoàn PAN/ *The PAN Group and Mr Luong Thanh Tung are major shareholders; Sao Ta JSC, 584 Nha Trang Seafood JSC are related organizations of insider shareholder Nguyen Van Khai - Chairman of the Board of Directors of AQUATEX BENTRE; ABT High-Tech Co. LTD is a subsidiary of AQUATEX BENTRE and a related organization of Mr. Nguyen Van Khai - Chairman of the Board of Directors, KHANG AN FOODS is a related organization of Mr Ho Quoc Luc - Member of the Board of Directors; VFC is a member of PAN Group.*

3. Giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát/ *Transaction between internal persons of the Company, affiliated persons of internal persons and the Company's subsidiaries in which the Company takes controlling power.* Không có/Not available.

4. Giao dịch giữa công ty với các đối tượng khác/ *Transactions between the Company and other objects*

4.1. Giao dịch giữa công ty với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo)/ *Transactions between the Company and the company that its members of Board of Management, the Board of Supervisors, Director (General Director) have been founding members or members of Board of Directors, or CEOs in three (03) latest years (calculated at the time of reporting).* Đã nêu tại mục VII. 2/ Stated in section VII. 2.

4.2. Giao dịch giữa công ty với công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác là thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành/ *Transactions between the Company and the company that its affiliated persons with members of Board of Directors, Board of Supervisors, Director (General Director) and other managers as a member of Board of Directors, Director (General Director or CEO).* Đã nêu tại mục VII. 2/ Stated in section VII.2.

4.3. Các giao dịch khác của công ty (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác/ *Other*

transactions of the Company (if any) may bring material or non- material benefits for members of Board of Directors, members of the Board of Supervisors, Director (General Director) and other managers. Đã nêu tại mục VII. 2/ Stated in section VII.2.

VIII. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ (Báo cáo 6 tháng)/Share transactions of internal persons and their affiliated persons (Semi-annual report)

1. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ/The list of internal persons and their affiliated persons: **Đính kèm Phụ lục số 2/Attached Appendix No. 2**

2. Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty/ Transactions of internal persons and affiliated persons with shares of the company: Không có/Not available

IX. Các vấn đề cần lưu ý khác/Other significant issues: Địa chỉ trụ sở chính của Công ty từ ngày 01/07/2025 thay đổi thành xã Phú Túc, tỉnh Vĩnh Long/The Company's head office address from July 1, 2025 will change to Phu Tuc commune, Vinh Long province.

Nơi nhận:

Recipients:

- Như kính gửi;
- Lưu: CBTT

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ/
CHAIRMAN OF THE BOARD OF DIRECTORS**
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)/(Sign, full name and seal)



Nguyễn Văn Khải



PHỤ LỤC SỐ 1/ APPENDIX NO. 1

(Đính kèm Báo cáo tình hình quản trị công ty 6 tháng năm 2025 số 284/BC.ABT ngày 17/07/2025)
(Attach the 2025 semi-annual Corporate Governance Report No 284/BC.ABT dated 17/07/2025)

VII. Danh sách về người có liên quan của công ty đại chúng (Báo cáo 6 tháng) và giao dịch của người có liên quan của công ty với chính Công ty/The list of affiliated persons of the public company (Semi-annual report) and transactions of affiliated persons of the Company

1/ Danh sách về người có liên quan của công ty/The list of affiliated persons of the Company

Stt No.	Tên tổ chức/cá nhân Name of organization/individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán(nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the Company (if any)	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH No. *, date of issue, place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan Time of starting to be affiliated person	Thời điểm không còn là người có liên quan Time of ending to be affiliated person	Lý do Reasons	Mối quan hệ liên quan với công ty/ Relationship with the Company
1	Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN/The PAN Group	003C009066		0301472704, 20/03/2020, Sở Kế hoạch và Đầu tư Long An cấp đăng ký thay đổi lần thứ 21/ 0301472704, March 20, 2020, Long An Department of Planning and Investment	Lô A1-9, Đường VL3, KCN Vĩnh Lộc 2, Xã Mỹ Yên, tỉnh Tây Ninh/ Lot A1-9, VL3 Road, Vinh Loc 2 Industrial Park, My Yen Commune, Tay Ninh Province	27/05/2021			Cổ đông lớn/ Major shareholder
2	Công ty TNHH Thủy sản Công nghệ cao AQUATEX BENTRE/ABT HIGH-TECH CO., LTD			1301083932, 15/11/2019, Sở Kế hoạch và đầu tư Bến Tre/1301083932, November 15, 2019, Ben Tre Department of Planning and Investment	Ấp 9 (thửa đất số 113, tờ bản đồ số 09), xã Phú Túc, tỉnh Vĩnh Long/ Hamlet 9 (plot number 113, map sheet number 09), Phu Tuc commune, Vinh Long province	15/11/2019			Công ty con; Tổ chức có liên quan của Chủ tịch HĐQT/ Subsidiaries; Related organizations of the Chairman of the Board of Directors

Stt No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/indi vidual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán(nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the Company (if any)</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>NSH No. *, date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reasons</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty/ <i>Relationship with the Company</i>
3	Lương Thanh Tùng					27/04/2017			Cổ đông lớn/ Major shareholder
3.1	Công ty TNHH Sản xuất- Thương mại- Dịch vụ Trường Phát/ Truong Phat produce trade and service limited company			1300403844, 03/01/2006, Sở Kế hoạch và đầu tư Bến Tre/1300403844, January 3, 2006, Ben Tre Department of Planning and Investment	Số 241A, ấp 9, xã Phú Túc, tỉnh Vĩnh Long/ No. 241A, Hamlet 9, Phu Tuc Commune, Vinh Long Province				Tổ chức có liên quan cổ đông lớn/ Organizations with related major shareholders
4	Nguyễn Văn Khải		Chủ tịch HĐQT/ Chairman of the Board of Directors			16/04/2022			
4.1	Nguyễn Văn Quế								Người có liên quan của Chủ tịch HĐQT/ Related person of the Chairman of the Board of Directors
4.2	Ngô Thị Hảo								
4.3	Lâm Xuân								
4.4	Tô Nhị								
4.5	Nguyễn Thị Kim Phụng								
4.6	Nguyễn Văn Thành								
4.7	Nguyễn Văn Quang								

Stt No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/individual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the Company (if any)</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>NSH No. *, date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reasons</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty/ <i>Relationship with the Company</i>
4.8	Nguyễn Thị Kim Loan								
4.9	Nguyễn Thị Kim Hoa								
4.10	Nguyễn Văn Hiền								
4.11	Nguyễn Thị Kim Kiều								
4.12	Lâm Thị Mỹ Phượng								
4.13	Nguyễn Văn Trí								
4.14	Nguyễn Trí Dũng								
4.15	Đỗ Khắc Dũng								
4.16	Trần Thị Kim Hà								
4.17	Dương Minh Hồng								
4.18	Nguyễn Thị Hồng Yến								
4.19	Trần Bình Minh								
4.20	Công ty TNHH Thủy sản Công nghệ cao AQUATEX BENTRE/ABT HIGH-TECH CO., LTD			1301083932, 15/11/2019, Sở Kế hoạch và đầu tư Bến Tre/ 1301083932, 15/11/2019, Ben Tre Department of Planning and Investment	Ấp 9 (thửa đất số 113, tờ bản đồ số 09), xã Phú Túc, tỉnh Vĩnh Long/ Hamlet 9 (plot number 113, map sheet number 09), Phu Tuc commune, Vinh Long province				Tổ chức có liên quan của Chủ tịch HĐQT/ Related organizations of the Chairman of the Board of Directors
4.21	Công ty CP Thủy Sản 584 Nha Trang/ 584NHATRANG SEACOM			4200636551, 02/03/2006, Sở Kế hoạch và đầu tư Khánh Hòa/ 4200636551, 02/03/2006, Khanh Hoa Department of Planning and Investment	1210 Lê Hồng Phong - P. Nam Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa/ 1210 Le Hong Phong - Nam Nha Trang Ward - Khanh Hoa Province				

Stt No.	Tên tổ chức/cá nhân Name of organization/individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the Company (if any)	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH No. *, date of issue, place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan Time of starting to be affiliated person	Thời điểm không còn là người có liên quan Time of ending to be affiliated person	Lý do Reasons	Mối quan hệ liên quan với công ty/ Relationship with the Company
4.22	Công ty CP Thực phẩm Sao Ta/ FIMEX VN			2200208753, 19/12/2002, Sở Kế hoạch và đầu tư Sóc Trăng/ 2200208753, 19/12/2002, Soc Trang Department of Planning and Investment	750 Võ Văn Kiệt, Phường Phú Lợi, TP Cần Thơ/750 Vo Van Kiet, Phu Loi Ward, Can Tho City				
4.23	Công ty CP Cà phê Golden Beans/ Golden Beans Coffee JSC			0314681060, 16/10/2017, Sở Kế hoạch và đầu tư TP.HCM/ 0314681060, 16/10/2017, Department of Planning and Investment of Ho Chi Minh City	27 Lưu Văn Lang, Phường Bến Thành, TP Hồ Chí Minh/27 Luu Van Lang, Ben Thanh Ward, Ho Chi Minh City				
4.24	Công ty Cổ phần Chế biến hàng xuất khẩu Long An/ LAFOOCO	003C333888		1100107301, 30/07/2018 Sở Kế hoạch và đầu tư Long An/1100107301, July 30, 2018 Long An Department of Planning and Investment	Số 81 B, Quốc lộ 62, Phường Long An, Tỉnh Tây Ninh/ No. 81B, National Highway 62, Long An Ward, Tay Ninh Province				
4.25	Công ty Cổ phần Thực phẩm Bibica/ Bibica corporation			059167, 16/01/1999 Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai/ 059167, January 16, 1999 Department of Planning and Investment of Dong Nai province	443 Lý Thường Kiệt, Phường Tân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh/443 Ly Thuong Kiet, Tan Hoa Ward, Ho Chi Minh City				
4.26	Công ty Cổ phần Thực phẩm PAN/PAN FOOD			0313041011, 04/12/2014, Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Long An/ 0313041011, December 4, 2014, Department of	Lô A1-9, Đường VL3, KCN Vĩnh Lộc 2, xã Mỹ Yên, Tỉnh Tây Ninh/ Lot A1-9, VL3 Road, Vinh Loc 2 Industrial Park, My Yen				

Stt No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/individual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán(nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the Company (if any)</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>NSH No. *, date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reasons</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty/ <i>Relationship with the Company</i>
				Planning and Investment of Long An province	Commune, Tay Ninh Province				
5	Phan Hữu Tài		Thành viên HĐQT/ Tổng Giám đốc/ Member/ General Director			16/04/2022			
5.1	Trịnh Hồng Nhiên								Người có liên quan của thành viên HĐQT/ Member's related person Board of Directors
5.2	Phan Hữu Thịnh								
5.3	Phan Văn Nuôi								
5.4	Phạm Thị Út								
5.5	Phan Thị Như Trang								
5.6	Trang Thị Bảy								
5.7	Huỳnh Đoàn Triết								
6.	Hồ Quốc Lực		Thành viên HĐQT/ Member			16/04/2022			
6.1	Dương Ngọc Kim								Người có liên quan của thành viên HĐQT/ Related persons of members of
6.2	Hồ Quang Văn								
6.3	Hồ Quang Cua								
6.4	Trịnh Kim Tuyền								
6.5	Hồ Hoa Đông								

Stt No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/individual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the Company (if any)</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>NSH No. *, date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reasons</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty/ <i>Relationship with the Company</i>
6.6	Hồ Hoa Đăng								the Board of Directors
6.7	Cty CP XNK Thủy sản Bến Tre/ Aquatex Ben Tre	003C310888		1300376365, 25/12/2003, Sở KHĐT Bến Tre/1300376365, December 25, 2003, Ben Tre Department of Planning and Investment	Ấp 9, xã Phú Túc, tỉnh Vĩnh Long/ Hamlet 9, Phu Tuc Commune, Vinh Long Province				TV.HĐQT
6.8	Công ty CP Thực phẩm Khang An/ KHANG AN FOODS			2200780985, 19/08/2020, Sở Kế hoạch và đầu tư Sóc Trăng/2200780985, 19/08/2020, Soc Trang Department of Planning and Investment	Lô B, Khu công nghiệp An Nghiệp, Xã An Ninh, TP Cần Thơ/ Lot B, An Nghiep Industrial Park, An Ninh Commune, Can Tho City				Tổ chức có liên quan của thành viên HĐQT/ Relevant organizations of members of the Board of Directors
7.	Bùi Kim Hiếu		Phó TGĐ/ Người CBTT/ Phụ trách quản trị/ Deputy General Director/ Information Disclosure Person In charge of administration						
7.1	Bùi Kim Huyền								Người có liên quan của Phó Tổng Giám đốc/ Người CBTT/ Phụ
7.2	Hứa Đình Phương								
7.3	Lâm Thị Nga								
7.4	Hứa Lệ Trinh								

Stt No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/individual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán(nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the Company (if any)</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>NSH No. *, date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reasons</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty/ <i>Relationship with the Company</i>
7.5	Bùi Đức Nghi								trách quản trị/ Related person of Deputy General Director/ Information Disclosure Person/ In charge of administration
7.6	Bùi Trung Can								
7.7	Bùi Thị Kim Cương								
7.8	Bùi Thị Kim Hương								
7.9	Nguyễn Thị Tuyết Trinh								
7.10	Nguyễn Hữu Thuận								
7.11	Châu Trường Thành								
8.	Đặng Thị Bích Liên		Trưởng BKS/ Head of the Supervisory Board			16/04/2022			
8.1	Đặng Trần Nhật Quang								Người có liên quan của thành viên BKS/ Related person of the Supervisory Board member
8.2	Đặng Nhật Bích Châu								
8.3	Trần Thị Hòa								
9	Lương Ngọc Thái		TV. BKS/ Member of the Supervisory Board			16/04/2022			

Stt No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/individual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán(nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the Company (if any)</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>NSH No.*, date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reasons</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty/ <i>Relationship with the Company</i>
9.1	Lương Ngọc Hòa								Người có liên quan của thành viên BKS/ Related person of the Supervisory Board member
9.2	Nguyễn Thị Vượt								
9.3	Phan Tuấn Đạt								
9.4	Lương Thị Hoài								
9.5	Phan Chi Mai								
9.6	Lương Phương Thảo								
9.7	Lương Minh Trang								
10	Nguyễn Văn Nguyên		TV BKS/ Member of the Supervisory Board			16/04/2022			
10.1	Nguyễn Lê								Người có liên quan của thành viên BKS/ Related person of the Supervisory Board member
10.2	Lê Thị Cẩn								
10.3	Đặng Thị Phương Lam								
10.4	Nguyễn Đặng Tâm Thanh								
10.5	Nguyễn Đặng Tâm Nhã								
10.6	Nguyễn Thị Thu Thúy								
10.7	Nguyễn Ngọc Liêm								
10.8	Nguyễn Ngọc Luân								
10.9	Nguyễn Trường								

Stt No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/individual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the Company (if any)</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>NSH No.*, date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reasons</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty/ <i>Relationship with the Company</i>
	Lam								
10.10	Huỳnh Thị Truyền								
10.11	Trần Thị Lan								
11.	Nguyễn Thị Hồng Vân		Người phụ trách kế toán/ Person in charge of accounting			30/11/2024			
11.1	Nguyễn Huy Khâm								Người có liên quan của người phụ trách kế toán/ People have human relevance in charge accountant
11.2	Nguyễn Thị Phụng								
11.3	Nguyễn Hoàng Tâm								
11.4	Nguyễn Thị Lan Anh								
11.5	Nguyễn Hoàng Nhật								
11.6	Nguyễn Thị Thanh Mỹ								
11.7	Nguyễn Quang Long								

PHỤ LỤC SỐ 2/ APPENDIX NO. 2

**(Đính kèm Báo cáo tình hình quản trị công ty 6 tháng năm 2025 số 284/BC.ABT ngày 17/07/2025)
(Attach the 2025 semi-annual Corporate Governance Report No 284/BC.ABT dated 17/07/2025)**

VIII. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ (Báo cáo 6 tháng/Share transactions of internal persons and their affiliated persons (Semi-annual report))

1. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ/The list of internal persons and their affiliated persons

Stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the Company (if any)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú quan hệ Note
1.	Nguyễn Văn Khải		Chủ tịch HĐQT/ Chairman of the Board of Directors					
1.1	Nguyễn Văn Quế							Bố đẻ / Father
1.2	Ngô Thị Hảo							Mẹ đẻ / Mother
1.3	Lâm Xuân							Bố vợ / Father in law
1.4	Tô Nhị							Mẹ vợ / Mother in law
1.5	Nguyễn Thị Kim Phụng							Chị ruột / Older sister
1.6	Nguyễn Văn Thành							Anh ruột / Older brother

Stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the Company (if any)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú quan hệ Note
1.7	Nguyễn Văn Quang							Anh ruột / Older brother
1.8	Nguyễn Thị Kim Loan							Em ruột / Younger sibling
1.9	Nguyễn Thị Kim Hoa							Em ruột / Younger sibling
1.10	Nguyễn Văn Hiền							Em ruột / Younger sibling
1.11	Nguyễn Thị Kim Kiều							Em ruột / Younger sibling
1.12	Lâm Thị Mỹ Phượng							Vợ / Wife
1.13	Nguyễn Văn Trí							Con ruột/ Child
1.14	Nguyễn Trí Dũng							Con ruột/ Child
1.15	Đỗ Khắc Dũng							Anh rể / Brother in law
1.16	Trần Thị Kim Hà							Chị dâu/ Older sister in law
1.17	Dương Minh Hồng							Em rể/ Younger brother in law

Stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the Company (if any)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú quan hệ Note
1.18	Nguyễn Thị Hồng Yến							Em dâu/ Younger sister in law
1.19	Trần Bình Minh							Chị dâu/ Older sister in law
1.20	Công ty TNHH Thủy sản Công nghệ cao AQUATEX BENTRE/ABT HIGH- TECH CO., LTD			1301083932, 15/11/2019, Sở Kế hoạch và đầu tư Bến Tre/ 1301083932, 15/11/2019, Ben Tre Department of Planning and Investment	Áp 9 (thửa đất số 113, tờ bản đồ số 09), xã Phú Túc, tỉnh Vĩnh Long/ Hamlet 9 (plot number 113, map sheet number 09), Phu Tuc commune, Vinh Long province			Tổ chức có liên quan thành viên HĐQT / Organizatio n related to a member of the Board of Directors
1.21	Công ty CP Thủy Sản 584 Nha Trang/ 584NHATRANGSEA COM			4200636551, 02/03/2006, Sở Kế hoạch và đầu tư Khánh Hòa/ 4200636551, 02/03/2006, Khanh Hoa Department of Planning and Investment	1210 Lê Hồng Phong - P. Nam Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa/1210 Le Hong Phong - Nam Nha Trang Ward - Khanh Hoa Province			
1.22	Công ty CP Thực phẩm Sao Ta/ FIMEX VN			2200208753, 19/12/2002, Sở Kế hoạch và đầu tư Sóc Trăng/ 2200208753, 19/12/2002, Soc Trang Department of Planning and Investment	750 Võ Văn Kiệt, Phường Phú Lợi, TP Cần Thơ/750 Vo Van Kiet, Phu Loi Ward, Can Tho City			
1.23	Công ty CP Cà phê Golden Beans/ Golden Beans Coffee			0314681060, 16/10/2017, Sở Kế hoạch và đầu tư TP.HCM/ 0314681060,	27 Lưu Văn Lang, Phường Bến Thành, TP Hồ Chí Minh/27 Luu Van Lang,			

Stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the Company (if any)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú quan hệ Note
	JSC			16/10/2017, Department of Planning and Investment of Ho Chi Minh City	Ben Thanh Ward, Ho Chi Minh City			
1.24	Công ty Cổ phần Chế biến hàng xuất khẩu Long An/ LAFOOCO			1100107301, 30/07/2018 Sở Kế hoạch và đầu tư Long An/1100107301, July 30, 2018 Long An Department of Planning and Investment	Số 81 B, Quốc lộ 62, Phường Long An, Tỉnh Tây Ninh/ No. 81B, National Highway 62, Long An Ward, Tay Ninh Province			
1.25	Công ty Cổ phần Thực phẩm Bibica/ Bibica corporation			059167, 16/01/1999 Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai/ 059167, January 16, 1999 Department of Planning and Investment of Dong Nai province	443 Lý Thường Kiệt, Phường Tân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh/443 Ly Thuong Kiet, Tan Hoa Ward, Ho Chi Minh City			
1.26	Công ty Cổ phần Thực phẩm PAN/PAN FOOD			0313041011, 04/12/2014, Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Long An/ 0313041011, December 4, 2014, Department of Planning and Investment of Long An province	Lô A1-9, Đường VL3, KCN Vĩnh Lộc 2, xã Mỹ Yên, Tỉnh Tây Ninh/ Lot A1-9, VL3 Road, Vinh Loc 2 Industrial Park, My Yen Commune, Tay Ninh Province			
2	Phan Hữu Tài		Thành viên HĐQT/ Tổng Giám đốc/ Member/ General Director					

Stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the Company (if any)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú quan hệ Note
2.1	Trịnh Hồng Nhiên					1.000	0,008%	Vợ / Wife
2.2	Phan Hữu Thịnh							Con ruột / Child
2.3	Phan Văn Nuôi							Bố đẻ / Father
2.4	Phạm Thị Út							Mẹ đẻ / Mother
2.5	Phan Thị Như Trang							Em ruột / Younger sibling
2.6	Trang Thị Bảy							Mẹ vợ / Mother in law
2.7	Huỳnh Đoàn Triết							Em rể / Younger brother in law
3.	Hồ Quốc Lực		Thành viên HĐQT/ Member					
3.1	Dương Ngọc Kim							Vợ / Wife
3.2	Hồ Quang Văn							Anh ruột / Older brother
3.3	Hồ Quang Cua							Anh ruột / Older brother

Stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the Company (if any)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú quan hệ Note
3.4	Trịnh Kim Tuyền							Chị dâu / Older sister in law
3.5	Hồ Hoa Đông							Con ruột / Child
3.6	Hồ Hoa Đăng							Con ruột / Child
3.7	Cty CP XNK Thủy sản Bến Tre/ Aquatex Ben Tre			1300376365, 25/12/2003, Sở KHĐT Bến Tre/1300376365, December 25, 2003, Ben Tre Department of Planning and Investment	Ấp 9, xã Phú Túc, tỉnh Vĩnh Long/ Hamlet 9, Phu Tuc Commune, Vinh Long Province			TV.HĐQT/ Member of the Board of Directors
3.8	Công ty CP Thực phẩm Khang An/ KHANG AN FOODS			2200780985, 19/08/2020, Sở Kế hoạch và đầu tư Sóc Trăng/2200780985, 19/08/2020, Soc Trang Department of Planning and Investment	Lô B, Khu công nghiệp An Nghiệp, Xã An Ninh, TP Cần Thơ/ Lot B, An Nghiep Industrial Park, An Ninh Commune, Can Tho City			Tổ chức có liên quan thành viên HĐQT / Organization related to a member of the Board of Directors
4.	Bùi Kim Hiếu		Phó TGD/ Người CBTT/ Phụ trách quản trị/ Deputy General Director/ Information Disclosure			55.088	0,468%	

Stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the Company (if any)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú quan hệ Note
			Person In charge of administration					
4.1	Bùi Kim Huyền							Bố đẻ / Father
4.2	Hứa Đình Phương							Bố vợ / Father in law
4.3	Lâm Thị Nga							Mẹ vợ / Mother in law
4.4	Hứa Lệ Trinh							Vợ / Wife
4.5	Bùi Đức Nghị							Con ruột / Child
4.6	Bùi Trung Can							Con ruột / Child
4.7	Bùi Thị Kim Cương							Chị ruột / Older sister
4.8	Bùi Thị Kim Hương							Em ruột / Younger sibling
4.9	Nguyễn Thị Tuyết Trinh							Chị dâu / Older sister in law
4.10	Nguyễn Hữu Thuận							Anh rể / Older brother in law
4.11	Châu Trường Thành							Em rể / Younger

Stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the Company (if any)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú quan hệ Note
								brother in law
5.	Đặng Thị Bích Liên		Trưởng BKS/ Head of the Supervisory Board			708	0,006%	
5.1	Đặng Trần Nhựt Quang							Chồng / Husband
5.2	Đặng Nhựt Bích Châu							Con ruột / Child
5.3	Trần Thị Hòa							Mẹ chồng / Mother in law
6	Lương Ngọc Thái		TV. BKS/ Member of the Supervisory Board					
6.1	Lương Ngọc Hòa							Bố đẻ / Father
6.2	Nguyễn Thị Vượt							Mẹ đẻ / Mother
6.3	Phan Tuấn Đạt							Bố vợ / Father in law

Stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the Company (if any)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú quan hệ Note
6.4	Lương Thị Hoài							Mẹ vợ / Mother in law
6.5	Phan Chi Mai							Vợ / Wife
6.6	Lương Phương Thảo							Em ruột / Younger sibling
6.7	Lương Minh Trang							Con ruột / Child
7	Nguyễn Văn Nguyên		TV BKS/ Member of the Supervisory Board					
7.1	Nguyễn Lê							Bố đẻ / Father
7.2	Lê Thị Cẩn							Mẹ đẻ / Mother
7.3	Đặng Thị Phương Lam							Vợ / Wife
7.4	Nguyễn Đặng Tâm Thanh							Con ruột / Child
7.5	Nguyễn Đặng Tâm Nhã							Con ruột / Child

Stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the Company (if any)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú quan hệ Note
7.6	Nguyễn Thị Thu Thúy							Em ruột / Younger sibling
7.7	Nguyễn Ngọc Liêm							Em ruột / Younger sibling
7.8	Nguyễn Ngọc Luân							Em ruột / Younger sibling
7.9	Nguyễn Trường Lam							Em ruột / Younger sibling
7.10	Huỳnh Thị Truyền							Em dâu / Younger sister in law
7.11	Trần Thị Lan							Em dâu / Younger sister in law
8.	Nguyễn Thị Hồng Vân		Người phụ trách kế toán/ Person in charge of accounting					
8.1	Nguyễn Huy Khâm							Bố đẻ / Father



Stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the Company (if any)</i>	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp <i>ID card No./Passport No., date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ <i>Number of shares owned at the end of the period</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ <i>Percentage of share ownership at the end of the period</i>	Ghi chú quan hệ Note
8.2	Nguyễn Thị Phương							Mẹ đẻ / Mother
8.3	Nguyễn Hoàng Tâm							Em ruột / Younger sibling
8.4	Nguyễn Thị Lan Anh							Em dâu / Younger sister in law
8.5	Nguyễn Hoàng Nhật							Chồng / Husband
8.6	Nguyễn Thị Thanh Mỹ							Mẹ chồng / Mother in law
8.7	Nguyễn Quang Long							Con ruột / Child